TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 19-7-2018
V/v Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2018/TLST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị V, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thanh T1, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thanh T1, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị V là nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/9/2015, bà V cho chị T2 vay 10.000.000 đồng, không làm biên nhận, thỏa thuận mỗi ngày trả 100.000 đồng, trả trong 110 ngày. Tại đơn khởi kiện bà V trình bày chị T2 chưa trả tiền của khoản vay này. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị T2 cho rằng đã trả cho bà V được hơn 10 ngày, yêu cầu trừ số tiền 1.000.000 đồng vào tiền vốn thì bà V cũng đồng ý. Nay đối với khoản vay này, bà V yêu cầu chị T2 trả số tiền vốn còn lại 9.000.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất

12%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 11/9/2015 đến ngày 11/4/2018 (31 tháng) là 2.790.000 đồng, tổng cộng 11.790.000 đồng.

Ngày 15/9/2016, bà V tiếp tục cho chị T2 vay 30.000.000 đồng và cũng không yêu cầu viết biên nhận, cho vay trong ngày, lãi 150.000 đồng/ngày. Tuy nhiên đến nay chị T2 chưa trả được khoản vốn và lãi nào. Nay bà V yêu cầu chị T2 trả số tiền vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất 10%/năm, thời hạn tính lãi từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/4/2018 (19 tháng) là 4.731.000 đồng, tổng cộng 34.731.000 đồng.

Tại văn bản ý kiến ngày 13/6/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thùy T2 là bị đơn trình bày:

Chị T2 thừa nhận ngày 10/9/2015 có vay của bà V 10.000.000 đồng, không làm biên nhận, trả góp mỗi ngày 100.000 đồng, góp trong 116 ngày, chị đã trả được hơn 10 ngày nhưng không nhớ chính xác số ngày. Nay đối với khoản vay này chị T2 xem như đã trả được 10 ngày, yêu cầu trừ số tiền đã trả 1.000.000 đồng vào tiền vốn, đồng ý tính lãi từ ngày 11/9/2015 đến ngày 11/4/2018 (31 tháng) đối với số tiền vốn 9.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm. Chị T2 đồng ý trả tiền vốn và lãi tổng cộng 11.790.000 đồng theo yêu cầu của bà V.

Ngày 15/9/2016, chị T2 có gọi điện cho bà V để vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 300.000 đồng/ngày, vay trong ngày, không làm biên nhận. Chị T2 đã trực tiếp nhận tiền từ bà V. Sau đó thì chị T2 đưa số tiền đã nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ch để hùn tiền mua heo bán lại. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì bà Ch đã bỏ trốn nên chị T2 chưa trả vốn, lãi cho bà V. Tại phiên tòa, chị T2 trình bày bà Ch là người vay 30.000.000 đồng của bà V, chị T2 chỉ nhận tiền thay bà Ch, sau khi nhận tiền thì chị đã giao lại cho bà Ch. Hiện nay bà Ch đã bỏ trốn, chị T2 không biết địa chỉ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Do bà Ch là người vay tiền nên có trách nhiệm trả, chị T2 không đồng ý trả theo yêu cầu của bà V.

Các tình tiết, sự kiện các đương sự đã thống nhất:

Chị T2 bị đơn đồng ý trả cho bà V tiền gốc và lãi tổng cộng 11.790.000 đồng là của khoản vay ngày 10/9/2015.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

Bà V yêu cầu chị T2 trả số tiền vay ngày 15/9/2016 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 4.731.000 đồng, tổng cộng 34.731.000 đồng. Chị T2 không thừa nhận có vay số tiền này nên không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T2 trả cho bà V số tiền vay ngày 10/9/2015, nợ gốc còn lại 9.000.000 đồng, tiền lãi 2.790.000 đồng, tổng cộng 11.790.000 đồng. Tại phiên hoà giải và tại phiên toà hôm nay, chị T2 thừa nhận có vay số tiền như bà V trình bày, đã trả được hơn 1.000.000 đồng, nhưng không nhớ chính xác nên nay chỉ yêu cầu trừ 1.000.000 đồng vào số tiền gốc, đồng ý trả số nợ còn lại là 9.000.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất 12%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 11/9/2015 đến ngày 11/4/2018 (31 tháng) là 2.790.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 11.790.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận như trên của các đương sự là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T2 trả cho bà V số tiền vay ngày 15/9/2016 là 30.000.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/4/2018 (19 tháng) là 4.731.000 đồng, tổng cộng 34.731.000 đồng.

[3] Tại phiên hòa giải, chị T2 thừa nhận có vay tiền, có trực tiếp nhận số tiền 30.000.000 đồng của bà V, đến nay chưa trả được khoản nào. Tại phiên tòa, chị T2 trình bày bà Nguyễn Thị Ngọc Ch là người vay tiền, chị T2 chỉ nhận tiền thay bà Ch. Bà V không thống nhất lời trình bày của chị T2. Phía chị T2 không cung cấp được địa chỉ là nơi cư trú của bà Ch để Tòa án đưa bà vào tham gia tố tụng, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T2 chỉ nhận tiền thay bà Ch. Lời trình bày của chị T2 tại phiên tòa và phiên hòa giải là mâu thuẫn nhưng chị T2 lại không phủ nhận lời trình bày của mình tại phiên hòa giải. Chị T2 cũng trình bày đối với hợp đồng vay này, trường hợp có tiền để trả cho bà V thì chị T2 sẽ là người trực tiếp trả chứ không phải bà Ch. Từ những lời trình bày của chị T2, có căn cứ xác định chị T2 là người vay số tiền 30.000.000 đồng ngày 15/9/2016 của bà V.

[4] Phía chị T2 cho rằng đối với khoản vay 30.000.000 đồng đến nay chị chưa trả vốn và lãi là vì khi nhận tiền của bà V xong, chị đã giao hết cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ch để hùn hạp làm ăn. Việc hùn vốn làm ăn chỉ có chị T2 và bà Ch, bà V không tham gia. Sau khi nhận tiền thì bà Ch đã bỏ trốn nên nay chị T2 không có tiền trả. Trường hợp phải nợ cho khoản vay này thì bà Ch mới là người có nghĩa vụ. Hội đồng xét xử xét thấy, vì hợp đồng vay tiền giữa bà V và chị T2 là có thật như phân tích trên nên chị T2 là người có nghĩa vụ trả nợ. Việc chị T2 sử dụng số tiền vay như thế nào không làm thay đổi nghĩa vụ của chị. Chị T2 cho rằng sau khi vay tiền đã đưa hết cho bà Ch để hùn hạp làm ăn thì hợp đồng hùn vốn giữa chị T2 và bà Ch là độc lập, không liên quan đến hợp đồng vay này. Do đó, việc chị T2 cho rằng bà Ch phải là người có nghĩa vụ trả nợ là không phù hợp. Từ

khi vay đến nay chị T2 chưa trả được tiền vốn nên nay bà V khởi kiện yêu cầu chị T2 trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[5] Về yêu cầu trả lãi của khoản vay 30.000.000 đồng. Theo lời trình bày của các đương sự thì khoản vay này là có lãi và có thời hạn, đến nay chị T2 chưa trả được khoản tiền lãi nào. Phía bà V trình bày tiền lãi là 150.000 đồng/ngày, chị T2 trình bày là 300.000 đồng/ngày nhưng cả hai đều không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên đây thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Tại đơn khởi kiện, bà V yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng nhưng tại phiên hoà giải và tại phiên toà hôm nay, do không thống nhất về lãi nên bà V tự nguyện điều chỉnh còn 0,83%/tháng, yêu cầu chị T2 trả tiền lãi từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/4/2018 (19 tháng) là 4.731.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì yêu cầu này của bà V là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà V, yêu cầu chị T2 trả vốn và lãi cho khoản vay ngày 10/9/2015 là 11.790.000 đồng và ngày 15/9/2016 là 34.731.000 đồng, tổng cộng 46.521.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, buộc chị T2 có nghĩa vụ trả nợ nên chị T2 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T2 có trách nhiệm trả cho bà V số tiền vốn vay ngày 10/9/2015 còn lại 9.000.000 đồng và tiền lãi 2.790.000 đồng; số tiền vốn vay ngày 15/9/2016 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 4.731.000 đồng. Tổng cộng 46.521.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thuỳ T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.326.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04731, ngày 24/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo